

CÔNG TY CỔ PHẦN
DAP SỐ 2 - VINACHEM

Số: 2056/TB-DAP2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày 26 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO MỜI CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

Kính gửi:

Bên mời chào hàng - Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem tổ chức chào hàng cạnh tranh mua sắm dịch vụ tư vấn xây dựng Đề án Chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 của Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem.

Nhà thầu có nguyện vọng tham gia chào hàng được nhận 01 bộ Hồ sơ yêu cầu từ 07 giờ 30 phút, ngày 26.. tháng 10 năm 2026 (trong giờ hành chính, sáng từ 07 giờ 30 đến 11 giờ 30 - chiều từ 13 giờ 00 đến 16 giờ 30).

Tại địa điểm sau:

- Trụ sở chính Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem.
- Địa chỉ: Thôn Trung Tâm, xã Tăng Lông, tỉnh Lào Cai.
- Điện thoại: 0214.3767.048 - Fax: 0214.3767.047.

Hồ sơ đề xuất sẽ được mở công khai vào 10 giờ (giờ Việt Nam) 30 phút, ngày 30 tháng 10. năm 2026 tại Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem.

Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem kính mời đại diện Nhà thầu tới tham dự lễ mở thầu với thời gian và địa điểm nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ thẩm định;
- Lưu VT.

**ĐẠI DIỆN BÊN MỜI CHÀO HÀNG
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Vũ Việt Tiến



CÔNG TY CỔ PHẦN DAP SỐ 2 - VINACHEM

HỒ SƠ YÊU CẦU

Chào hàng cạnh tranh gói dịch vụ tư vấn xây dựng
Đề án Chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035
của Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem

BÊN MỜI CHÀO HÀNG: CÔNG TY CỔ PHẦN DAP SỐ 2 - VINACHEM

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Việt Tiến

Lào Cai, ngày 26 tháng 10 năm 2026

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ CHÀO HÀNG

Mục 1. Nội dung gói chào hàng

1. Bên mời chào hàng Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem mời Nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh gói thầu được mô tả như sau:

- Tên gói thầu: Dịch vụ tư vấn xây dựng Đề án Chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 của Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem.

- Phạm vi và khối lượng gói thầu: (Xem Bảng dữ liệu yêu cầu tại Chương II).

- Nhà thầu phải chào toàn bộ nội dung thực hiện của gói thầu mới được chấp nhận.

2. Địa điểm thực hiện: Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem, địa chỉ: Thôn Trung Tâm, xã Tăng Lũng, tỉnh Lào Cai.

3. Thời gian thực hiện Hợp đồng: 60 ngày.

4. Hình thức Hợp đồng: Trọn gói.

5. Nguồn vốn: Tự có + Vay ngân hàng.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của Nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây thì được tham gia trong một Hồ sơ đề xuất với tư cách là Nhà thầu độc lập:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Hạch toán tài chính độc lập.

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của Pháp luật.

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Pháp luật về đấu thầu.

Mục 3. Các yêu cầu về tư cách pháp nhân, năng lực, kinh nghiệm của Nhà thầu

Nhà thầu phải nộp các giấy tờ sau:

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (nếu có)...

2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng (Giấy uỷ quyền, quyết định bổ nhiệm hoặc văn bản tương đương).

3. Tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm:

- Báo cáo tài chính năm 2024,2025 được kiểm toán hoặc cơ quan thuế xác nhận để chứng minh tình hình tài chính lành mạnh của Nhà thầu.

- Cung cấp 01 bản Hợp đồng tương tự (Hợp đồng tư vấn xây dựng chuyển đổi số hoặc thực hiện chuyển đổi số) có giá trị Hợp đồng ≥ 550 triệu đồng.

- Đối với các Nhà thầu là liên danh: Yêu cầu phải đáp ứng với hồ sơ năng lực theo thỏa thuận liên danh được các Bên ký để tham gia chào hàng.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSYC, khảo sát hiện trường

1. Làm rõ HSYC

Trong trường hợp cần làm rõ HSYC, Nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến Bên mời chào hàng muộn nhất vào ngày 29/.10/2026. Khi nhận được đề nghị làm rõ HSYC của Nhà thầu, Bên mời chào hàng sẽ có văn bản trả lời gửi cho Nhà thầu có yêu cầu làm rõ và tất cả các Nhà thầu khác đã nhận HSYC từ Bên mời chào hàng. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSYC thì Bên mời chào hàng tiến hành sửa đổi HSYC theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi HSYC

Trường hợp sửa đổi HSYC, Bên mời chào hàng sẽ gửi thông báo sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi đến tất cả các Nhà thầu đã nhận HSYC không muộn hơn ngày 29/.10/2026.

Nhằm giúp Nhà thầu có đủ thời gian để sửa đổi HSDX, Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu để tất cả các Nhà thầu có thêm thời gian cập nhật HSDX.

3. Khảo sát hiện trường

Nhà thầu được phép khảo sát hiện trường để phục vụ việc lập HSDX. Các chi phí, rủi ro trong quá trình khảo sát hiện trường do Nhà thầu tự chi trả. Nhà thầu cần liên hệ trước với Bên mời thầu để được bố trí tiếp cận hiện trường theo yêu cầu.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ khi tham dự cung cấp dịch vụ

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự cung cấp dịch vụ.

2. Đồng tiền tham dự chào hàng và đồng tiền thanh toán là VND.

3. Tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa Bên mời chào hàng và Nhà thầu liên quan đến việc tham dự chào hàng phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang

tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời chào hàng có thể yêu cầu Nhà thầu gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của HSDX

Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin chỉ dẫn, biểu mẫu, thuật ngữ, thông số, yêu cầu về dịch vụ tư vấn và các yêu cầu khác trong HSYC để chuẩn bị HSDX của mình gồm tất cả thông tin, tài liệu theo quy định của HSYC, bao gồm:

1. Đơn đề xuất cung cấp dịch vụ theo quy định tại Mẫu số 01 Chương IV;
2. Đề xuất về giá theo Mẫu số 3 Chương IV;
3. Các tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, năng lực, kinh nghiệm của Nhà thầu theo quy định tại Mục 3 Chương I;
4. Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV - Biểu mẫu (nếu có).
5. Thỏa thuận liên danh Mẫu số 04 Chương IV - Biểu mẫu (nếu có).
6. Các nội dung khác theo yêu cầu trong hồ sơ yêu cầu.

Mục 7. Giá đề xuất cung cấp

1. Giá đề xuất cung cấp do Nhà thầu ghi trong đơn đề xuất cung cấp bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói chào hàng theo yêu cầu của HSYC. Nhà thầu phải nộp HSDX cho toàn bộ công việc được mô tả tại Chương IV và chào giá cho tất cả các công việc nêu trong bảng giá tương ứng quy định tại theo Mẫu số 14 Chương IV, bao gồm cả đơn giá (nếu có), thành tiền.

2. Giá đề xuất phải bao gồm tất cả chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Trường hợp gói chào hàng tư vấn đơn giản, thời gian thực hiện Hợp đồng ngắn, không phát sinh rủi ro, trượt giá thì chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá được tính bằng 0 (đồng). Đối với gói chào hàng áp dụng loại Hợp đồng theo thời gian, giá dự chào hàng không bao gồm chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

3. Trường hợp Nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, Nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSDX hoặc nộp riêng song phải bảo đảm Bên mời chào hàng nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSDX. Thư giảm giá sẽ được Bên mời chào hàng bảo quản như một phần của HSDX và được mở đồng thời

cùng HSDX của nhà chào hàng; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng HSDX và không được ghi vào biên bản mở chào hàng thì không có giá trị.

4. Giá chào của Nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm hết hạn nộp HSDX theo quy định. Trường hợp Nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDX của Nhà thầu sẽ bị loại.

Mục 8. Hiệu lực của HSDX

1. Thời gian có hiệu lực của HSDX là 45 ngày, kể từ thời điểm đóng thầu. HSDX nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, Bên mời thầu có thể đề nghị các Nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX đồng thời yêu cầu Nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu Nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDX của Nhà thầu này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này Nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDX.

Mục 9. Quy cách của HSDX và chữ ký trong HSDX

1. Nhà thầu phải chuẩn bị một bản gốc và 01 bản chụp HSDX, ghi rõ "bản gốc" và "bản chụp" bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng. Nhà thầu cần ghi rõ tên gói chào hàng, tên Nhà thầu, tên Bên mời chào hàng bên ngoài túi đựng HSDX. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản chụp và bản gốc. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá.

2. Tất cả các thành phần nêu tại Mục 4 Chương I phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của Nhà thầu.

3. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng.

Mục 10. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSDX

1. HSDX do Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của Bên mời chào hàng nhưng phải đảm bảo Bên mời chào hàng nhận được trước thời điểm đóng chào hàng là giờ, ngày tháng năm 2026.

2. Bên mời chào hàng sẽ tiếp nhận HSDX của tất cả Nhà thầu nộp HSDX trước

thời điểm hết hạn nộp HSDX. Trường hợp Nhà thầu nộp HSDX sau thời điểm hết hạn nộp HSDX thì HSDX bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà chào hàng.

3. Sau khi nộp, Nhà thầu có thể rút lại HSDX bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của Nhà thầu đến Bên mời chào hàng trước thời điểm hết hạn nộp HSDX.

Mục 11. Mở HSDX

1. Bên mời thầu tiến hành mở công khai HSDX của các Nhà thầu vào lúc 10 giờ 30 phút ngày 10. tháng 10. năm 2026 tại Trụ sở - Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem trước sự chứng kiến của các Nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện Nhà thầu tham dự chào hàng.

2. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDX theo thứ tự chữ cái tên của Nhà thầu và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc HSDX và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên Nhà thầu, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDX, thời gian thực hiện Hợp đồng, giá trị của bảo đảm dự thầu, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà Bên mời thầu thấy cần thiết. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của Bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn chào hàng, giấy ủy quyền, bảo đảm dự thầu, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói thầu. Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDX nào khi mở thầu, trừ các HSDX nộp sau thời điểm đóng thầu.

3. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại HSDX của các Nhà thầu. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và các Nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc thiếu chữ ký của Nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi cho tất cả các Nhà thầu tham dự thầu.

Mục 12. Làm rõ HSDX

1. Sau khi mở HSDX, Nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDX theo yêu cầu của Bên mời chào hàng.

2. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của Nhà thầu, không

làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp và không thay đổi giá chào.

Mục 13. Đánh giá HSDX và thương thảo về Hợp đồng

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương III. Nhà thầu có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời vào thương thảo Hợp đồng.

2. Việc thương thảo Hợp đồng dựa trên các tài liệu sau: báo cáo đánh giá HSDX, HSDX và các tài liệu làm rõ HSDX (nếu có) của Nhà thầu; HSYC.

3. Nguyên tắc thương thảo Hợp đồng như sau:

a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung Nhà thầu đã chào theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC;

b) Khi thương thảo Hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu, trường hợp trong HSDX của Nhà thầu không có đơn giá tương ứng với phần sai lệch thì phải lấy mức đơn giá dự thầu thấp nhất trong số các HSDX của Nhà thầu khác đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt nếu chỉ có duy nhất Nhà thầu này vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở thương thảo đối với sai lệch thiếu đó.

4. Nội dung thương thảo Hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSYC và HSDX, giữa các nội dung khác nhau trong HSDX có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện Hợp đồng;

b) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn Nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

c) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

5. Trong quá trình thương thảo Hợp đồng, các Bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản Hợp đồng và phụ lục Hợp đồng. Trường hợp thương thảo không thành công, chủ đầu tư xem xét, quyết định mời Nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

Mục 14. Điều kiện đối với Nhà thầu được đề nghị cung cấp gói thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDX hợp lệ;

2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

4. Có giá đánh giá sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất;

5. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt dự toán gói thầu được phê duyệt.

6. Trường hợp có từ 02 Nhà thầu trở lên có giá đề nghị trúng thầu bằng nhau sẽ sắp xếp theo thứ tự ưu tiên Nhà thầu có kinh nghiệm thực hiện các gói thầu tương tự.

Mục 15. Thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn Nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả Nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, điện thoại, fax hoặc Email.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu nếu Nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký Hợp đồng, DAP2 sẽ có văn bản trả lời gửi cho Nhà thầu.

Mục 16. Hoàn thiện và ký kết Hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết, HSDX của Nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết, Nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói chào hàng theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu.

Chương II. TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Mục 1. Phạm vi cung cấp

Phạm vi cung cấp dịch vụ như sau:

Cung cấp dịch vụ tư vấn xây dựng Đề án Chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 của Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem.

Tiêu chuẩn kỹ thuật: Đáp ứng các tiêu chí được quy định trong HSYC

Mục 2. Tiến độ cung cấp và địa điểm thực hiện

Tiến độ cung cấp: Trong vòng 60 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

Địa điểm thực hiện: Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem, địa chỉ: Thôn Trung Tâm, xã Tăng Lũng, tỉnh Lào Cai.

Mục 3. Yêu cầu về công việc

I. Phạm vi công việc

Các nội dung sau mang tính định hướng, không hạn chế đơn vị tư vấn xây dựng Đề án trong việc điều chỉnh, bổ sung và đề xuất các cách tiếp cận sáng tạo, phù hợp:

1. Bối cảnh.
2. Sự cần thiết xây dựng Đề án.
3. Cơ sở xây dựng Đề án.
4. Khảo sát, đánh giá hiện trạng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem.
5. Định hướng, mục tiêu Chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 của Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem.
6. Các giải pháp chủ yếu Chuyển đổi số của Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem.
7. Đề xuất lộ trình thực hiện.
8. Đề xuất dự kiến chi phí thực hiện.
9. Dự báo dự kiến hiệu quả và lợi ích mang lại.
10. Kết luận và đề xuất

II. Sản phẩm tư vấn bàn giao

Đơn vị tư vấn bàn giao bộ sản phẩm:

- Đề án Chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 của Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem.

- Định dạng: Bản điện tử và bản giấy có ký đóng dấu theo quy định hành chính.

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX

1.1. Kiểm tra HSDX

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSDX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSDX theo quy định tại Mục 6 Chương I;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDX

HSDX của Nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDX;
- b) Có đơn đề xuất cung cấp được đại diện hợp pháp của Nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC; thời gian ký đơn đề xuất phải sau thời điểm phát hành HSYC; không kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư.
- c) Thời gian thực hiện Hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSYC;
- d) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời chào hàng;
- e) Thời gian có hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn Nhà thầu;
- f) Nhà thầu không có tên trong 2 hoặc nhiều HSDX với tư cách là Nhà thầu chính.
- g) Nhà thầu có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Các hồ sơ đề xuất vượt qua bước đánh giá sơ bộ sẽ được tiếp tục xem xét, đánh giá trong bước đánh giá về năng lực.

Các tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu được sử dụng theo tiêu chí “Đạt” và “Không đạt”. Nhà thầu phải đạt cả 02 nội dung chính 1, 2 nêu tại bảng sau thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm.

STT	Nội dung yêu cầu	Nhà thầu đáp ứng (Đạt/ Không đạt)	Tài liệu cần nộp
1	Thời hạn hiệu lực của hồ sơ đề xuất: 30 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu là 10 giờ 00 phút ngày tháng 10 năm 2026		
2	Cung cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.		Bản sao công chứng
3	Nhà thầu cam kết chủ nhiệm đề án chuyển đổi số đã tham gia ít nhất một đề án chuyển đổi số của đơn vị khác, đồng thời bố trí đội ngũ nhân sự phù hợp với yêu cầu thực hiện Đề án		Bản cam kết
4	Chứng minh năng lực kinh nghiệm, tài chính: - Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm đóng thầu, Nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ tối thiểu 01 Hợp đồng tương tự (Hợp đồng tư vấn xây dựng chuyển đổi số hoặc thực hiện chuyển đổi số) có giá trị Hợp đồng ≥ 550 triệu đồng. - Báo cáo tài chính năm 2024, 2025 được kiểm toán hoặc cơ quan thuế xác nhận để chứng minh tình hình tài chính lành mạnh của Nhà thầu. - Doanh thu bình quân năm 2024, 2025 từ hoạt động sản xuất kinh doanh bị tối thiểu là 1,45 tỷ VNĐ.		Bản sao công chứng (hoặc bản sao sau đó đối chứng với bản gốc) đối với các Hợp đồng, Báo cáo tài chính năm 2024, 2025 được kiểm toán hoặc cơ quan thuế xác nhận
5	Có cam kết chấp thuận thanh toán gói thầu: * Tạm ứng: Bên mua tạm ứng cho bên bán 30% giá trị hợp đồng tương đương số tiền đồng (Bằng chữ:) trong vòng 10 (mười) ngày làm việc từ ngày ký hợp đồng và nhận đủ bộ hồ sơ hợp lệ * Thanh toán: Thanh toán 100% giá trị Hợp đồng còn lại (sau khi đã khấu trừ toàn bộ tiền tạm ứng) trong vòng 45 ngày kể từ khi hai bên hoàn thành nghiệm thu “Dịch vụ” và bên mua nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ		Bản cam kết
6	Cam kết Đề án Chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 của Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem sẽ đáp ứng đầy		Bản cam kết

STT	Nội dung yêu cầu	Nhà thầu đáp ứng (Đạt/ Không đạt)	Tài liệu cần nộp
	đủ các yêu cầu công việc nêu tại mục 3 chương II		

Kết luận: Nhà thầu đạt yêu cầu khi tất cả các điều kiện đều phải "Đạt" so với yêu cầu đề ra của HSYC. Trường hợp Nhà thầu "Không đạt" một trong các tiêu chuẩn thì được đánh giá là "Không đạt" và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Mục 3. Đánh giá về kỹ thuật

DAP2 đánh giá theo các yêu cầu về kỹ thuật nêu trong Hồ yêu cầu chào hàng đối với các hồ sơ đề xuất đã vượt qua bước đánh giá sơ bộ và bước đánh giá về năng lực và kinh nghiệm. Việc đánh giá chi tiết về mặt kỹ thuật được thực hiện bằng phương pháp đánh giá theo tiêu chí "Đạt", "Không đạt" đối với danh mục hàng hóa, dịch vụ chào. Hồ sơ đề xuất sẽ vượt qua bước đánh giá chi tiết về mặt kỹ thuật khi tất cả yêu cầu về kỹ thuật đều được đánh giá là "Đạt".

Chi tiết về tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật như nêu tại Chương II của Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh này.

HSDX của Nhà thầu là "Đạt" đối với tiêu chuẩn trong các mục kể trên sẽ được coi là "Đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật" và được đưa vào đánh giá ở bước tiếp theo.

Mục 4. Đánh giá về giá và điều khoản thanh toán

Các HSDX vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật sẽ được tiếp tục xem xét, đánh giá trong bước đánh giá về giá.

Sử dụng phương pháp giá đánh giá để xác định giá đánh giá thấp nhất.

- Cách xác định giá đánh giá thấp nhất như sau:

+ Tổng giá đánh giá;

+ Xếp hạng các hồ sơ chào hàng theo tổng giá đánh giá thấp nhất.

Hồ sơ đề xuất có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời vào thương thảo Hợp đồng.

Trong quá trình thương thảo Hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản Hợp đồng và phụ lục Hợp đồng. Trường hợp thương thảo không thành công, DAP2 tự xem xét, quyết định mời Nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

Chương IV. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG⁽¹⁾

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của Bên mời chào hàng]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên Nhà thầu], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của Nhà thầu] cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]⁽²⁾ cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện Hợp đồng là _____ [Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói thầu]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ đề xuất này với tư cách là Nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của Pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất là trung thực.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện Hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày⁽⁴⁾, kể từ ngày _____ tháng _____ năm _____⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu⁽⁶⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời chào hàng, Nhà thầu, thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất, được đại diện hợp pháp của Nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư.

(3) Thời gian thực hiện Hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương II – Tiêu chuẩn kỹ thuật.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của HSYC.

(5) Ghi ngày đóng thầu theo quy định của HSYC.

(6) Trường hợp đại diện theo Pháp luật của Nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo Pháp luật của Nhà thầu], là người đại diện theo Pháp luật của [Ghi tên Nhà thầu] có địa chỉ tại [Ghi địa chỉ của Nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự thầu gói thầu [Ghi tên gói thầu] do [Ghi tên Bên mời chào hàng] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời chào hàng trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ yêu cầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ đề xuất;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện Hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp Nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết Hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên Nhà thầu]. ____ [Ghi tên Nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu (nếu có)]*

Người ủy quyền

*[Ghi tên người đại diện theo Pháp luật
của Nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng
dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời chào hàng cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo Pháp luật của Nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của Nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo Pháp luật của Nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của Nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu

BIỂU GIÁ CHÀO**Kính gửi:** Công ty Cổ phần DAP số 2-Vinachem**Địa chỉ:** Thôn Trung Tâm, Xã Tăng Lũng, Tỉnh Lào Cai

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Yêu cầu công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
1	Dịch vụ tư vấn xây dựng Đề án Chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 của Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem	Đáp ứng theo yêu cầu tại Mục 3 - Chương II của HSYC	Gói	01		
	Cộng tiền hàng:					
	Tiền thuế GTGT.....%:					
	Tổng cộng tiền thanh toán:					

1. Thời gian thực hiện:
2. Cam kết về nhân sự thực hiện:
3. Cam kết thực hiện đúng theo yêu cầu công việc:
4. Thanh toán:

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Mẫu số 4. Thỏa thuận liên danh
THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày . tháng . năm _____

Hồ sơ chào hàng: _____ [Ghi tên gói chào hàng]

Căn cứ⁽²⁾ [Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội; Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ];

Căn cứ hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh _____ [Ghi tên gói chào hàng] phát hành ngày ____ [ghi ngày được ghi trên HSYCCH];

Chúng tôi, đại diện cho các Bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại, số fax _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền).

Các Bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự hồ sơ chào hàng _____ [Ghi tên gói chào hàng] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến hồ sơ chào hàng này là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia hồ sơ chào hàng này. Trường hợp trúng chào giá, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong Hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên khác trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các Bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong Hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện hồ sơ đề xuất _____ [Ghi tên gói chào hàng] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các Bên nhất trí ủy quyền cho ____ [*Ghi tên một Bên*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau ⁽³⁾:

- Ký đơn chào hàng;
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời chào hàng trong quá trình tham dự chào hàng, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYCCH và văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;
- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện Hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp Nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết Hợp đồng ____ [*Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].

2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc như bảng sau:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá chào
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói chào hàng	

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các Bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý Hợp đồng;
 - Các Bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng chào hàng;
 - Hủy hồ sơ đề xuất ____ [*Ghi tên gói chào hàng*] theo thông báo của Bên mời chào hàng.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi Bên giữ ____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[*Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Chương V. MẪU HỢP ĐỒNG
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày.....tháng năm 2026

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Căn cứ Luật chuyển đổi số số 148/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt "Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045"

Quyết định số 1425/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số (phiên bản 1.0).

Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số.

Căn cứ Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số.

Căn cứ Quyết định số 218/QĐ-HCVN ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về việc ban hành Chương trình khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2040.

Căn cứ Quyết định số 88/QĐ-HCVN ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi số toàn diện giai đoạn 2026 - 2030 và Đề án chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030.

Căn cứ nhu cầu và năng lực của hai Bên.

Hôm nay, ngày tháng 10 năm 2026, các Bên gồm:

BÊN A (BÊN MUA) :

Địa chỉ :

Điện thoại :

Website :

Mã số thuế :

Đại diện : Chức vụ:

Tài khoản :

BÊN B (BÊN BÁN) :

Địa chỉ :

Điện thoại :

Website :

Email :

Mã số thuế :

Đại diện : Chức vụ:

Tài khoản :

Hai Bên thống nhất ký kết Hợp đồng tư vấn xây dựng “Đề án Chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 của Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem” với các điều khoản:

Điều 1. Nội dung Hợp đồng

- Bên B tư vấn xây dựng “Đề án Chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 của Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem” cho Bên A (viết tắt là “Dịch vụ”).
- Nội dung chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Thành phần Hợp đồng

- Các điều khoản của Hợp đồng và Phụ lục.
- Biên bản nghiệm thu, hồ sơ thanh toán, các tài liệu liên quan (nếu có).
- Trường hợp có nội dung không thống nhất giữa các tài liệu, thứ tự ưu tiên áp dụng: (1) Hợp đồng; (2) Phụ lục; (3) Tài liệu liên quan kèm theo (nếu có).

Điều 3. Loại Hợp đồng

Hợp đồng trọn gói.

Điều 4. Giá trị Hợp đồng

- Giá trị Hợp đồng đã bao gồm thuế GTGT:
- Giá trị Hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện tư vấn xây dựng Đề án bao gồm: Chi phí khảo sát, hiện trạng, chi phí đi lại, chi phí chuyên gia, chi phí viết Đề án.

Điều 5. Điều kiện nghiệm thu bàn giao

- Đề án của Bên B xây dựng phải đáp ứng:
 - + Đầy đủ các nội dung theo phụ lục Hợp đồng.
- Sản phẩm bàn giao:
 - + Đề án Chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 của Công ty Cổ phần DAP số 2 – Vinachem
- + Định dạng: Bản điện tử và bản giấy có ký đóng dấu theo quy định hành chính.

Điều 6. Tạm ứng, thanh toán

- Tạm ứng: Bên mua tạm ứng cho bên bán 30% giá trị hợp đồng tương đương số tiền đồng (Bằng chữ:) trong vòng 10 (mười) ngày làm việc từ ngày ký hợp đồng và nhận đủ bộ hồ sơ bao gồm:

- + Hợp đồng;
- + Đề nghị tạm ứng của bên bán;
- + Thư Bảo lãnh tạm ứng giá trị tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tiền tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng tại Việt Nam và có hiệu lực cho đến ngày .../...../2026. Nội dung của Bảo lãnh tiền tạm ứng phải được sự chấp thuận của bên mua.

+ Hóa đơn GTGT tương ứng với giá trị tạm ứng của Bên Bán.

- Thanh toán: Thanh toán 100% giá trị Hợp đồng còn lại (sau khi đã khấu trừ toàn bộ tiền tạm ứng) trong vòng 45 ngày kể từ khi hai bên hoàn thành nghiệm thu “Dịch vụ” và bên mua nhận đủ hồ sơ thanh toán bao gồm các chứng từ sau:

- + Công văn đề nghị thanh toán.
- + Hóa đơn GTGT phần giá trị công việc còn lại.
- + Biên bản nghiệm thu và/hoặc bàn giao.
- + Bản gốc đề án;
- + Các biên bản, tài liệu khác (nếu có).
- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.
- Loại tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (VND).

Điều 7. Thời gian, địa điểm

7.1. Thời gian

- Thời gian thực hiện Hợp đồng là 60 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.
- Trường hợp Bên A chậm cung cấp tài liệu, chậm phản hồi hoặc phát sinh yêu cầu điều chỉnh ngoài phạm vi Hợp đồng, thời gian thực hiện được gia hạn tương ứng.

7.2. Địa điểm.

Theo yêu cầu của Bên A hoặc theo thỏa thuận của hai Bên.

Điều 8. Hiệu lực Hợp đồng

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Hợp đồng chấm dứt khi hai Bên hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng hoặc theo thỏa thuận của hai Bên bằng văn bản.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

9.1. Quyền của Bên A

- Bên A được quyền khai thác và sử dụng Đề án để triển khai thực hiện phục vụ hoạt động của Bên A trong quá trình hoàn thành và cả sau khi Đề án Chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 của Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem được nghiệm thu và bàn giao cho Bên A.

- Không phải chịu trách nhiệm đối với các tranh chấp, khiếu nại hoặc khiếu kiện của Bên thứ ba phát sinh từ việc Bên B vi phạm quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu trí tuệ đối với “Dịch vụ” do Bên B cung cấp.

- Từ chối nghiệm thu phần “Dịch vụ” không đáp ứng yêu cầu hoặc phạm vi công việc quy định của Hợp đồng. Bên A phải thông báo cho Bên B về nội dung không đạt để Bên B kiểm tra và khắc phục.

- Kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện Hợp đồng của Bên B, với điều kiện không làm cản trở hoạt động bình thường của Bên B.

- Yêu cầu Bên B sửa đổi, khắc phục hoặc bổ sung các nội dung còn thiếu thuộc phạm vi Hợp đồng mà không làm thay đổi khối lượng công việc, thời gian thực hiện và chi phí đã thỏa thuận.

- Tạm ngừng hoặc chấm dứt Hợp đồng trong các trường hợp và theo trình tự quy định của Hợp đồng.

- Khi xét thấy cần thiết, Bên A có quyền mời đơn vị độc lập có chức năng, thẩm quyền phù hợp để thẩm định Đề án; việc thẩm định do Bên A xem xét, quyết định và

không thuộc nghĩa vụ của Bên B.

9.2. Nghĩa vụ của Bên A

- Không chuyển giao toàn bộ hoặc một phần quyền, nghĩa vụ theo Hợp đồng cho Bên thứ ba khi chưa được Bên B đồng ý bằng văn bản.

- Cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin của người liên hệ chính thức; chủ động cập nhật và thông báo bằng văn bản hoặc email cho Bên B khi có thay đổi. Bên B không chịu trách nhiệm đối với các hậu quả phát sinh do Bên A cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ hoặc không cập nhật kịp thời thông tin liên hệ

- Phối hợp, trao đổi và tạo điều kiện cần thiết để Bên B thực hiện Hợp đồng; phản hồi các đề nghị, yêu cầu hợp lệ thuộc phạm vi Hợp đồng của Bên B trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được. Hết thời hạn trên mà Bên A không phản hồi thì được xem là đã chấp thuận, trừ các nội dung liên quan đến nghiệm thu, thanh toán, giá trị Hợp đồng, phạm vi công việc, thời hạn thực hiện hoặc quyền, nghĩa vụ trọng yếu của các Bên.

- Cung cấp đầy đủ và đúng thời hạn các thông tin, tài liệu, nội dung và dữ liệu cần thiết; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, hợp pháp và quyền sử dụng đối với các nội dung đã cung cấp.

- Hướng dẫn nhân sự của Bên B tuân thủ nội quy, quy định và quy trình khi làm việc tại địa điểm của Bên A.

- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Bên B theo quy định của Hợp đồng.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

10.1. Quyền của Bên B

- Yêu cầu Bên A cung cấp đầy đủ, chính xác và đúng thời hạn các thông tin, tài liệu, nội dung và dữ liệu cần thiết để thực hiện Hợp đồng.

- Từ chối công việc vượt ngoài phạm vi hoặc khả năng kỹ thuật quy định của Hợp đồng và Phụ lục hoặc trái quy định của Pháp luật.

- Không chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, hợp pháp và quyền sử dụng đối với thông tin, tài liệu, nội dung hoặc dữ liệu do Bên A cung cấp.

- Không phải chịu trách nhiệm đối với các tranh chấp, khiếu nại hoặc khiếu kiện của Bên thứ ba phát sinh từ thông tin, tài liệu, nội dung hoặc dữ liệu do Bên A cung cấp.

Bên A chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, hợp pháp và quyền sử dụng đối với các thông tin, tài liệu, nội dung hoặc dữ liệu đó.

- Sử dụng các tài liệu, công nghệ, giải pháp và phương pháp nghiên cứu trong nước hoặc nước ngoài để thực hiện Hợp đồng, với điều kiện không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, nghĩa vụ bảo mật và quyền hợp pháp của Bên A hoặc Bên thứ ba.

- Bên B có quyền hợp tác với đơn vị khác hoặc thuê chuyên gia để thực hiện công việc, nhưng không làm thay đổi trách nhiệm của Bên B đối với Bên A theo Hợp đồng; Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên thứ ba tuân thủ các nghĩa vụ về bảo mật, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu có liên quan.

- Nhận thanh toán đầy đủ, đúng hạn theo quy định của Hợp đồng.

10.2. Nghĩa vụ của Bên B

- Chủ trì các buổi hội thảo trình bày Đề án, tiếp thu ý kiến phản biện từ Ban lãnh đạo.

- Triển khai và hoàn thành công việc theo đúng nội dung, phạm vi, tiêu chuẩn chất lượng và tiến độ quy định của Hợp đồng và Phụ lục kèm theo (nếu có).

- Bảo đảm có quyền cung cấp, khai thác và cho phép Bên A sử dụng “Dịch vụ”; chịu trách nhiệm giải quyết các tranh chấp, khiếu nại hoặc khiếu kiện của Bên thứ ba phát sinh do Bên B vi phạm quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu trí tuệ.

- Bên B chỉ được sử dụng Thông tin bảo mật duy nhất cho mục đích thực hiện công việc tư vấn chuyển đổi số theo quy định tại Hợp đồng này.

- Trường hợp phát sinh công việc ngoài phạm vi Hợp đồng hoặc cần điều chỉnh nội dung, tiến độ, chi phí, Bên B phải trao đổi và thống nhất với Bên A bằng văn bản trước khi thực hiện.

- Tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của Bên A trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan.

- Lập và cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán theo quy định của Hợp đồng.

- Phối hợp với Bên A giải trình và làm việc với các Bên liên quan đối với nội dung thuộc phạm vi thực hiện Hợp đồng.

- Xuất hóa đơn tài chính đúng quy định của Pháp luật Việt Nam và phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về các hậu quả pháp lý do hóa đơn Bên bán lập.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác thuộc trách nhiệm của Bên B theo quy định của Hợp đồng và quy định của Pháp luật.
- Các quyền và nghĩa vụ khác của Bên Bán theo quy định của Pháp luật.

Điều 11. Sự kiện bất khả kháng

- Các Bên ký kết Hợp đồng sẽ không chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện chậm các điều kiện và điều khoản trong trường hợp nằm ngoài tầm kiểm soát hợp lý của hai Bên. Các trường hợp bất khả kháng bao gồm: thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, chiến tranh, bạo loạn, đình công hoặc sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và hai Bên không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại về sự kiện, nguyên nhân, hậu quả có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp đồng và thời gian dự kiến sự kiện bất khả kháng kéo dài.

- Trường hợp sự kiện bất khả kháng kéo dài quá 20 ngày, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ và khiến Hợp đồng không thể tiếp tục thực hiện, hai Bên có quyền thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng mà không Bên nào bị xem là vi phạm. Khi đó, hai Bên có trách nhiệm đối chiếu, xác nhận và thực hiện các quyền, nghĩa vụ liên quan đến phần công việc Bên B đã hoàn thành đến thời điểm chấm dứt theo các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng.

Điều 12. Vi phạm, phạt vi phạm và bồi thường Hợp đồng

- Tổng mức phạt đối với một hoặc nhiều hành vi vi phạm không vượt quá 08% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm.

- Nếu Bên B thực hiện công việc không bảo đảm chất lượng hoặc không đáp ứng yêu cầu theo Hợp đồng, Bên B phải thực hiện lại công việc cho đúng yêu cầu bằng chi phí của Bên B và không được kéo dài thời gian thực hiện Hợp đồng, trừ trường hợp được Bên A chấp thuận bằng văn bản.

- Bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường thiệt hại thực tế, trực tiếp cho Bên bị vi phạm; mức phạt vi phạm, nếu áp dụng, không vượt quá 08% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm.

- Bên B chịu phạt 0,05% giá trị phần công việc bị chậm cho mỗi ngày chậm, nhưng tổng mức phạt không vượt quá 08% giá trị phần công việc bị chậm.

- Trường hợp Bên B không hoàn thành Hợp đồng hoặc sản phẩm bàn giao không đáp ứng nội dung, phạm vi công việc và tiêu chí nghiệm thu đã được hai Bên thống nhất, Bên A có quyền yêu cầu Bên B khắc phục trong thời hạn hợp lý. Nếu hết thời hạn khắc phục mà Bên B vẫn không đáp ứng yêu cầu, Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng theo quy định của Hợp đồng. Bên B có trách nhiệm báo cáo quá trình thực hiện, xác định nguyên nhân không hoàn thành và hoàn trả phần chi phí tạm ứng chưa sử dụng (nếu có). Đối với phần công việc đã thực hiện, hai Bên quyết toán theo khối lượng, sản phẩm và hồ sơ thực tế được Bên A nghiệm thu. Trường hợp việc không hoàn thành do sự kiện bất khả kháng thì xử lý theo quy định về bất khả kháng của Hợp đồng.

- Bên A chịu phạt 0,05% giá trị phần thanh toán bị chậm cho mỗi ngày chậm, nhưng tổng mức phạt không vượt quá 08% giá trị phần thanh toán bị chậm.

- Bên nào đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng trái với quy định của Hợp đồng hoặc của Pháp luật thì phải chịu phạt không vượt quá 08% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp bất khả kháng hoặc một Bên được quyền chấm dứt theo Hợp đồng hoặc theo quy định của Pháp luật hoặc hai Bên có thỏa thuận bằng văn bản.

- Thuế, chứng từ và việc hạch toán khoản phạt, bồi thường được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

Điều 13. Chấm dứt Hợp đồng

- Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp:

- + Các Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản.
- + Một Bên vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng và không khắc phục trong thời hạn được Bên còn lại thông báo bằng văn bản.

- + Một Bên mất khả năng thanh toán, bị giải thể, bị tuyên bố phá sản hoặc chấm dứt hoạt động theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- + Theo yêu cầu hoặc quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- + Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

- Ngay sau khi chấm dứt Hợp đồng:

- + Bên A có trách nhiệm thanh toán đầy đủ cho Bên B giá trị phần công việc,

sản phẩm đã hoàn thành được Bên A nghiệm thu đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng và các khoản phải thanh toán khác theo Hợp đồng (nếu có).

+ Việc chấm dứt Hợp đồng không ảnh hưởng quyền và nghĩa vụ của các Bên phát sinh trước thời điểm chấm dứt Hợp đồng.

+ Các Bên có trách nhiệm phối hợp lập biên bản thanh lý Hợp đồng, trong đó xác định các quyền, nghĩa vụ và khoản thanh toán còn lại.

Điều 14. Bảo vệ dữ liệu, an toàn thông tin và quyền sở hữu dữ liệu

- Mỗi Bên có trách nhiệm áp dụng các biện pháp phù hợp với phạm vi trách nhiệm của mình để bảo vệ thông tin, dữ liệu và tài liệu liên quan đến Hợp đồng khỏi việc truy cập, sử dụng, mất mát, sửa đổi hoặc tiết lộ trái phép.

- Bên A chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác và đầy đủ của thông tin, dữ liệu, tài liệu cung cấp cho Bên B để thực hiện “Dịch vụ”.

- Bên B chỉ được tiếp nhận, xử lý, lưu trữ và sử dụng thông tin, dữ liệu, tài liệu của Bên A trong phạm vi cần thiết để thực hiện Hợp đồng, trừ trường hợp phải cung cấp theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Trường hợp phát hiện thông tin, dữ liệu hoặc tài liệu của Bên A bị mất, truy cập hoặc tiết lộ trái phép, Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A trong thời hạn không quá 48 giờ kể từ thời điểm phát hiện và phối hợp xử lý trong phạm vi trách nhiệm của mình.

- Toàn bộ thông tin, dữ liệu và tài liệu do Bên A cung cấp thuộc quyền sở hữu hoặc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của Bên A. Các phương pháp, quy trình, biểu mẫu, công cụ, tài liệu và kiến thức chuyên môn đã được Bên B xây dựng hoặc phát triển thuộc quyền sở hữu của Bên B

Điều 15. Bảo mật

- Nghĩa vụ bảo mật tiếp tục có hiệu lực tối thiểu 24 tháng kể từ ngày Hợp đồng chấm dứt, trừ trường hợp hai Bên có thỏa thuận khác bằng văn bản; nghĩa vụ này không áp dụng đối với thông tin đã được công khai hợp pháp hoặc phải cung cấp theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Trừ trường hợp được Bên còn lại chấp thuận trước bằng văn bản hoặc phải cung cấp theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, mỗi Bên có trách nhiệm bảo mật nội dung Hợp đồng và các thông tin, tài liệu do Bên còn lại cung cấp; chỉ được chia

sẽ cho cá nhân, tổ chức tham gia thực hiện Hợp đồng trong phạm vi cần thiết và phải bảo đảm các cá nhân, tổ chức này tuân thủ nghĩa vụ bảo mật.

- Mỗi Bên có trách nhiệm áp dụng các biện pháp kỹ thuật và tổ chức hợp lý để bảo vệ thông tin bảo mật khỏi nguy cơ truy cập, sử dụng, mất mát hoặc tiết lộ trái phép.

Điều 16. Thông báo, thỏa thuận, thảo luận, trao đổi

- Hai Bên thông báo, thỏa thuận, thảo luận, trao đổi... cho nhau theo các phương thức: Văn bản/Fax/Điện thoại/Zalo/WhatsApp/Facebook/Messenger/Email /Ghi âm/Video/Trao đổi hoặc phương thức khác được hai Bên thừa nhận.

- Thông báo về nghiệm thu, thanh toán, điều chỉnh chi phí, thay đổi phạm vi công việc, tạm ngừng, gia hạn hoặc chấm dứt Hợp đồng phải được thực hiện bằng văn bản hoặc email từ địa chỉ liên hệ chính thức.

Điều 17. Giải quyết tranh chấp

- Vương mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng sẽ được hai Bên ưu tiên giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần tôn trọng và hợp tác.

- Trường hợp tranh chấp không được giải quyết bằng thương lượng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Bên còn lại nhận được thông báo bằng văn bản về tranh chấp, mỗi Bên có quyền đưa tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của Pháp luật. Bản án, quyết định có hiệu lực Pháp luật của Tòa án có giá trị bắt buộc thi hành đối với các Bên.

Điều 18. Điều khoản chung

- Hai Bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản trong Hợp đồng. Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng chỉ có hiệu lực khi được hai Bên thỏa thuận bằng văn bản hoặc Phụ lục.

- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHỤ LỤC

Đề án Chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 của Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem kèm theo Hợp đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
	Dịch vụ tư vấn xây dựng Đề án Chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 của Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem I. Phạm vi công việc Các nội dung sau mang tính định hướng, không hạn chế đơn vị tư vấn xây dựng Đề án trong việc điều chỉnh, bổ sung và đề xuất các cách tiếp cận sáng tạo, phù hợp: 1. Bối cảnh 2. Sự cần thiết xây dựng Đề án 3. Cơ sở xây dựng Đề án 4. Khảo sát, đánh giá hiện trạng ứng dụng công nghệ thông tin của Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem 5. Định hướng, mục tiêu Chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035” của Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem 6. Các giải pháp chủ yếu Chuyển đổi số của Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem 7. Đề xuất lộ trình thực hiện. 8. Đề xuất dự kiến chi phí thực hiện. 9. Dự báo dự kiến hiệu quả và lợi ích mang lại 10. Kết luận và đề xuất	Gói	01		

	II. Sản phẩm tư vấn bàn giao Đơn vị tư vấn bàn giao bộ sản phẩm: - Đề án Chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 của Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem - Định dạng: Bản điện tử và bản giấy có ký đóng dấu theo quy định hành chính.				
	Cộng				
	Thuế VAT 10%				
	Tổng cộng bao gồm VAT 10%				
	Bằng chữ:				

- Bên B có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung công việc và bàn giao các sản phẩm quy định tại Phụ lục này. Việc thay đổi phạm vi, sản phẩm hoặc tiến độ chỉ có hiệu lực khi được hai Bên thống nhất bằng văn bản.

